

BẢN ÁN SỐ: 02 /2019/ HS-ST

NGÀY: 17/01/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Thanh Xuân.

2. Ông Trần Thành Đô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên Tòa: Bà Hà Thị Hiền – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 17/01/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2018/HS-ST ngày 14/12/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HS ngày 05/01/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị V, sinh năm 1976. Tên gọi khác: Nguyễn Thị Vân.

Nơi ĐKKHTT: Thôn G, xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Q, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Bố đẻ: Nguyễn Văn T (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1946; Gia đình có 07 anh em, bản thân là thứ bốn; Chồng: Lê Văn P, sinh năm 1975. Hiện ở T, Lục Ngạn, Bắc Giang; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án: Bản án số 02 ngày 07/01/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội Môi giới mại dâm, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/12/2016; Tiền sự: Không có.

- Bị cáo bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam, công an tỉnh Bắc Giang – Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Ngô Thị Quý M, sinh năm 1983 – (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

2. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1996 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Nguyễn Thị M (Hiền), sinh năm 1991 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Q, xóm K, xã T, Yên Dũng, Bắc Giang.

4. Anh Vũ Văn M, sinh năm 1981 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Nguyễn Thị V bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang truy tố về các hành vi phạm tội như sau:

- Nguyễn Thị V, sinh năm 1976 ở Thôn G, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến thuê nhà, mở quán bán nước, bia tại thôn T, Q, Yên Dũng, Bắc Giang và có thuê Đỗ Thị H, sinh năm 1996 ở Q, xã T, Yên Dũng, Bắc Giang là nhân viên phục vụ quán, giữa V và H thỏa thuận nếu có khách mua sâm thì H sẽ được nhận 150.000 đồng, V được hưởng 50.000 đồng. Khoảng 12 giờ ngày 09/9/2018, khi V ở nhà trọ của mình thì nhận được điện thoại từ số 0868.244.216 (V khai số của Tuấn ở Phồ L, Tân Dĩnh, Lạng Giang, Bắc Giang, V quen trước đó) gọi đến số 01669.218.262 của V, bảo V bố trí cho hai đứa đi chơi (V hiểu ý Tuấn muốn nhờ V tìm hai gái để mua sâm). V bảo chỉ có một đứa thì Tuấn nhờ V tìm thêm một gái bán sâm nữa và hẹn đưa lên nhà trọ Đ ở thôn Mậu, Thái Đào, Lạng Giang, Bắc Giang, V đồng ý. Sau đó, V gọi điện cho một gái bán sâm tên là H đang thuê trọ ở T, Yên Dũng, Bắc Giang, bảo Hằng đi khách hộ V thì H đồng ý. V điều khiển xe mô tô BKS 98E1-001.71 (xe V mượn của chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1985 ở thôn T, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang để đi lại) chở Đỗ Thị H xuống phòng trọ ở Tân An tìm gái bán sâm tên H. Đến nơi, V gọi cửa nhưng H không mở nên V đi sang phòng trọ của Nguyễn Thị M (tức Hiền), sinh năm 1991, ở thôn Hà, Lục Nam, Bắc Giang đang thuê trọ gần đó. Tại đây, V bảo Hiền: em đi khách không, Hiền khai tưởng V bảo đi hát phục vụ khách, do đang bị mệt nên Hiền không đi nên gọi Ngô Thị Quý M, sinh năm 1983 ở X, Yên Lập, Phú Thọ, là nhân V của Hiền đi ra gặp V. V nói với M đi chơi với khách quen của V, M hiểu ý là đi bán sâm cho khách của V nên đồng ý và mượn xe mô tô BKS98F1-142.98 của Hiền để đi. V điều khiển xe mô tô ch ở Đỗ Thị H cùng M điều khiển xe mô tô đi đến nhà trọ H. Đến cổng nhà trọ, V điện thoại cho Tuấn thông báo đã đến. Sau đó, Tuấn (sau khi bị kiểm tra khai tên là Hoàng Văn Sơn, sinh năm 1981 ở thôn D, Tân Dĩnh, Lạng Giang, Bắc Giang) và hai đối tượng tự khai là Nguyễn Văn Sơn, sinh năm 1970 ở thôn D, Tân Dĩnh, Lạng Giang, Bắc Giang và lái xe ôm là Trần Văn L, sinh năm 1978 ở thôn V, Yên Mỹ, Lạng Giang, Bắc Giang đi xe đến. Tại đây, Tuấn đưa cho V 01 tờ tiền

mệnh giá 500.000 đồng. V hiểu Tuấn trả tiền mua dâm với M và H nên nhận tiền rồi cùng Long ra quán nước gần đó uống nước đợi. Tuấn cùng Sơn đưa M và H vào thuê 02 phòng 302 và 305 nhà trọ H rồi vào quan hệ tình dục với nhau, đến 13h50 cùng ngày, tổ công tác Công an huyện Lạng Giang phối hợp cùng Công an xã Thái Đào tiến hành kiểm tra hành chính nhà trọ H phát hiện tại phòng 302 và 305 có 02 đôi nam nữ đang mua bán dâm, Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Maxx vỏ màu xám; 02 bao cao su nhãn hiệu Doctor; 01 điện di động nhãn hiệu Goly màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Janus màu đen trắng BKS 98-F1 142.98; 01 Giấy chứng nhận kinh doanh số 20F8006688 mang tên Vũ Văn M; Số tiền 1.353.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL , 01 điện thoại Iphone 5, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị V, 01 giấy phép lái xe số AD 982036 mang tên Nguyễn Thị V, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô BKS 98E1-001.71, 01 CMND mang tên Lê Thị N, 01 xe mô tô, BKS 98E1-001.71.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS-LG ngày 13/12/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang truy tố Nguyễn Thị V về tội: “Môi giới mại dâm” theo điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh luận, sau khi đánh giá tính chất vụ án, nhân thân cũng như mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện VKSND Huyện Lạng Giang vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo V và đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 328; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 BLHS phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với V. Ngoài ra vị đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xử lý về vật chứng và án phí của vụ án.

- Bị cáo Nguyễn Thị V không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của KSV, ý kiến của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lạng Giang, Điều tra V, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, Kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc đánh giá chứng cứ: Tại phiên tòa, qua xét hỏi bị cáo Nguyễn Thị V đã thừa nhận: Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 09/9/2018, tại nhà trọ H ở thôn Mầu, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, Nguyễn Thị V có hành vi mối giới cho Đỗ Thị H, bán dâm cho đối tượng tự khai là Hoàng Văn Sơn và Ngô Thị Quý M bán dâm cho đối tượng tự khai là Nguyễn Văn Sơn, thu 500.000 đồng thì bị Công an huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang kiểm tra hành chính phát hiện bắt quả tang.

Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bằng đơn trình báo, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến trong vụ án và phù hợp với thời gian địa điểm xảy ra tội phạm. Như vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Thị V đã phạm tội: “Mối giới mại dâm” theo điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng số 03/QĐ-KSĐT ngày 13/12/2018 của VKSND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã truy tố đối với Nguyễn Thị V về tội: “Mối giới mại dâm” theo điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và biện pháp xử lý:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự công cộng, xâm phạm đạo đức xã hội, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, đến sức khỏe con người và là nguyên nhân làm lây truyền các bệnh nguy hiểm như hoa liễu, giang mai, đặc biệt là bệnh HIV/AIDS, từ mại dâm dễ dẫn đến các loại tội phạm khác cho xã hội. Để nhằm đấu tranh với một trong các tệ nạn xã hội, nạn mại dâm, bảo vệ trật tự xã hội, sức khỏe của nhân dân, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh, cần phải xử phạt đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

- Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS;

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và trước phiên tòa hôm nay khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Do vậy cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, HĐXX xét thấy cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian cần thiết mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành con người làm ăn lương thiện. Áp dụng Điều 38 BLHS đối với V.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra cần áp dụng khoản 4 Điều 328 BLHS phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước. Tuy nhiên xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, tại địa phương bị cáo không có tài sản nhà đất gì, địa phương không xác định được tình trạng kinh tế của bị cáo, do vậy HĐXX không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành con người làm ăn lương thiện.

[5] Việc xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng cần xử lý gồm: Số tiền 1.353.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đỏ có số IMEI 354791090622487; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Maxx vỏ màu xám; 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe số AD982036 mang tên Nguyễn Thị V, 02 Bao cao su nhãn hiệu Doctor, Cơ quan điều tra nhập kho vật chứng và chuyển để giải quyết cùng vụ án.

- Số tiền 1.353.000 đồng V giao nộp cho CQĐT trong đó có 500.000 đồng là tiền của các đối tượng mua bán dâm mà có, cần tịch thu xung công quỹ Nhà nước. Số tiền 853.000 đồng là tiền riêng của V, nay sẽ trả lại cho bị cáo xong tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- 02 bao cao su nhãn hiệu Doctor không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL của Nguyễn Thị V dùng để gọi và liên lạc với khách mua dâm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Maxx vỏ màu xám thu của Hoàng Văn Sơn là khách mua dâm, quá trình điều tra không chứng minh địa chỉ cụ thể của Sơn. Đây là phương tiện điện thoại mà các đối tượng sử dụng liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội do vậy cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe số AD982036 mang tên Nguyễn Thị V cần trả lại cho bị cáo.

Ngày 15/9/2018, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Lạng Giang ra quyết định xử lý đồ vật tài liệu số 34A, trả cho Ngô Thị Quý M 01 điện thoại nhãn hiệu Goly; Nguyễn Thị M 01 xe mô tô BKS 98F1-142.98; Lê Thị N, sinh năm 2001 trú tại thôn T, Yên Dũng (con gái V) 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị N, 01 điện thoại Iphone 5; Nguyễn Thị K 01 xe mô tô BKS 98E1-001.71, 01 giấy đăng ký xe mô tô và giấy chứng nhận nhân bảo hiểm xe mô tô BKS 98E1-001.71, 01 chìa khóa xe mô tô; Vũ Văn M (chủ nhà trọ H) 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20F8006658. Việc xử lý vật chứng của CQĐT trong giai đoạn điều tra HĐXX xét là phù hợp.

Đối với Đỗ Thị H và Ngô Thị Quý M là các gái bán dâm, Công an huyện Lạng Giang đã ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi bán dâm theo quy định của pháp luật.

Đối với các khách mua dâm là Nguyễn Văn Sơn(Tuấn) và Hoàng Văn Sơn cùng lái xe ôm Trần Văn Long quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra lợi dụng sơ hở đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã xác minh tên tuổi, địa chỉ theo đối tượng khai nhưng chưa xác định được do vậy khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Vũ Văn M là quản lý nhà trọ H không biết các đối tượng thuê trọ để mua bán dâm. Tuy nhiên, anh M đã không thực hiện đầy đủ các quy định về an ninh trật tự đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện (không kiểm tra đầy đủ giấy tờ tùy thân, vào sổ sách theo dõi khách nghỉ) nên Công an huyện Lạng Giang đã ra Quyết định xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật

Đối với Nguyễn Thị M (tức Hiền) tại Cơ quan điều tra trình bày khi được V rủ đi chơi với khách thì nghĩ là V bảo đi phục vụ khách hát karaoke nên M không đi mà cho M đi. Ngoài ra không có tài liệu khác chứng minh M môi giới mại dâm, do vậy không có căn cứ để xử lý đối với M.

Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt. Tuy nhiên đã được Tòa án tiến hành tổng đạt giấy báo phiên tòa đầy đủ, hợp lệ do vậy về quyền lợi của họ đã được pháp luật bảo vệ.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị V phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1/- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội "Môi giới mại dâm".

* Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt Nguyễn Thị V 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 09/9/2018.

2/ Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Maxx vỏ màu xám; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đỏ có số IMEI 354791090622487 và số tiền 500.000 đồng thu lợi bất chính của Nguyễn Thị V.

- Tiêu hủy 02 bao cao su nhãn hiệu Doctor.

- Trả lại cho Nguyễn Thị V số tiền 853.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe số AD 982036 mang tên Nguyễn Thị V, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

3/- Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Nguyễn Thị V phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt có 15 ngày kháng cáo, kể từ ngày nhận tổng đạt bản án vắng mặt./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang
- CQĐT + CQTHAHS Công an huyện Lạng Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh BG.
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hằng